

Số: 1619/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 07 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bổ sung lần 3)
Dự án: Tuyến đường từ đường QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải,
xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 30/201/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của UBND thành phố Lai Châu Phê duyệt dự án: Tuyến đường từ đường QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu về việc Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Tuyến đường từ đường QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài;

Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND thành phố Lai Châu về phê duyệt kế hoạch giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất cho 03 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số ~~674~~ TTr-TNMT ngày ~~29~~ 8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lần 3 dự án: Tuyến đường từ đường QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **603.419.756 đồng**.

(Bằng chữ: Sáu trăm linh ba triệu bốn trăm mười chín nghìn bảy trăm năm mươi sáu đồng)

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	603.419.756 đồng
+ Về đất:	127.629.300 đồng
+ Về tài sản vật kiến trúc:	6.402.000 đồng
+ Về cây cối, hoa màu:	79.899.756 đồng
+ Về chính sách hỗ trợ	389.488.700 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND phường Quyết Thắng, xã Sùng Phài; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Xiêng



PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ

Dự án: Tuyến đường từ đường QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: 1619/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của UBND thành phố Lai Châu)

ST T	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
I	2	3	4,0	5	6=4*5
A	Tổng cộng				603.419.756
I	Chi trả cho chủ sở hữu				603.419.756
1	Đất				127.629.300
2	Tài sản				6.402.000
3	Hoa màu				79.899.756
4	Chính sách hỗ trợ				389.488.700
B	Chi tiết cho các hộ dân/tổ chức				603.419.756
1	Hộ gia đình: Chang A Sinh				
	Địa chỉ thường trú: Bản Thành Lập - Phường Đoàn Kết				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				209.012.360
a	Về đất				43.896.800
1	Diện tích thu hồi	m ²	1.186,4		
2	Loại đất:				
2	Đất trồng cây lâu năm	m ²	1.186,4	37.000	43.896.800
	Vị trí: 1, khu vực 1				
	Nguồn gốc: Gia đình ông Chang A Sinh khai hoang năm 1997, sử dụng đất ổn định đến nay, không có tranh chấp				
b	Tài sản, vật kiến trúc, (Tài sản xây dựng năm 1997, xây dựng trước khi có kế hoạch sử dụng đất, không bị lập biên bản vi phạm hành chính, xây dựng đúng mục đích và bồi thường hỗ trợ bằng 100% đơn giá theo QĐ 30/2017 ngày 14/8/2017, tài sản sử dụng ổn định không tranh chấp)				2.277.000
1	Đào, đất đất bằng thủ công (0,3*0,3*40)	m ³	3,6	82.500	297.000
2	Đào hào thủ công (40*1,0*0,6)	m ³	24,0	82.500	1.980.000
c	Về cây cối hoa màu				31.148.160
1	Sản lượng chè (năng suất 22 tấn/ha/năm x 2 năm x 1.020m2)	kg	4.488,0	6.000	26.928.000
2	14 Cây lấy gỗ D40, H5	m ³	8,8	480.000	4.220.160
d	Về chính sách hỗ trợ				131.690.400



ST T	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m ²	1.186,4	111.000	131.690.400
2	Hộ Gia đình: Giàng A Cha				
	Địa chỉ thường trú: bản Trung Chải - xã Sùng Phài				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				12.258.096
a	Về đất				2.412.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	80,4		
2	Loại đất:				
2	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	80,4	30.000	2.412.000
	Vị trí: 1, khu vực 1				
	Nguồn gốc: Gia đình ông Giàng A Cha khai hoang năm 1995, sử dụng đất ổn định đến nay, không có tranh chấp				
c	Về cây cối hoa màu				2.610.096
1	6 Cây lầy gỗ D40, H7	m ³	5,3	480.000	2.532.096
2	Hàng rào cọc tre	m	13,0	6.000	78.000
d	Về chính sách hỗ trợ				7.236.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy)	m ²	80,4	90.000	7.236.000
3	Hộ gia đình: Sùng A Cha				
	Địa chỉ thường trú: Bản Trung Chải - xã Sùng Phài				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				282.423.300
a	Về đất				57.674.500
1	Diện tích thu hồi	m ²	1.593,6		
2	Loại đất:				
2	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	178,4	37.000	6.600.800
2	Đất trồng cây lâu năm	m ²	1.231,1	37.000	45.550.700
2	Đất nương rẫy	m ²	184,1	30.000	5.523.000
	Vị trí: 1, khu vực 1				
	Nguồn gốc: Bố Sùng Páo Hảng khai hoang năm 1984 cho tặng con trai Sùng A Cha năm 1990 không có giấy tờ, Gia đình ông Sùng A Cha sử dụng đất ổn định đến nay, không tranh chấp				

ST T	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
b	Tài sản, vật kiến trúc, (Tài sản xây dựng năm 1990, xây dựng trước khi có kế hoạch sử dụng đất, không bị lập biên bản vi phạm hành chính, xây dựng đúng mục đích và bồi thường hỗ trợ bằng 100% đơn giá theo QĐ 30/2017 ngày 14/8/2017, tài sản sử dụng ổn định không tranh chấp)				4.125.000
1	Đào, hào đắp đất bằng thủ công (50*1,0*1,0)	m ³	50,0	82.500	4.125.000
c	Về cây cối hoa màu				40.999.500
1	Cây Pơ mu trồng 1-2 năm	Cây	15	30.000	450.000
2	Cây lầy gỗ D 10-25	Cây	20	42.000	840.000
3	Sản lượng chè (năng suất 22 tấn/ha/năm x 2 năm x 1.100m ²)	kg	4.840	6.000	29.040.000
4	Sản lượng lúa (năng suất 5,3 tấn/ha/năm x 350m ²)	kg	185,5	9.000	1.669.500
5	Cây tre D 5-10	cây	300	30.000	9.000.000
d	Về chính sách hỗ trợ				179.624.300
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 4.0 lần giá đất trồng lúa)	m ²	178,4	148.000	26.403.200
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng lâu năm)	m ²	1.231,1	111.000	136.652.100
3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy)	m ²	184,1	90.000	16.569.000
4	Hộ gia đình: Lý A Vàng				
	Địa chỉ thường trú: bản Sin Páo Chải - xã Sùng Phài				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				77.316.000
a	Về đất				18.051.000
1	Diện tích thu hồi		601,7		
2	Loại đất:				
2	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	601,7	30.000	18.051.000
	Vị trí: 1, khu vực 1,				
	Nguồn gốc: Gia đình ông Lý A Vàng Khai hoang năm 1984 sử dụng đất ổn định đến nay, không tranh chấp				
c	Về cây cối hoa màu				5.112.000
1	Sản lượng sắn (năng suất 22 tấn/ha/năm x 500m ²)	Kg	1.100	3.000	3.300.000

ST T	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
2	Cây chuối H>1,2m	Cây	17	24.000	408.000
3	Cây chuối H<1,2m	Cây	10	18.000	180.000
4	4 Cây chuối có buồng (20kg/buồng)	Kg	80,0	6.000	480.000
5	Cây lấy gỗ D 10-25	Cây	7	42.000	294.000
6	Cây lấy gỗ D 5-10	Cây	15	30.000	450.000
d	Về chính sách hỗ trợ				54.153.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy)	m ²	601,7	90.000	54.153.000
5	Hộ gia đình: Giàng A Hồ				
	Địa chỉ thường trú: bản Sin Páo Chải - xã Sùng Phài				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				22.410.000
a	Về đất				5.595.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	186,5		
2	Loại đất:				
2	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	186,5	30.000	5.595.000
	Vị trí: 1, khu vực 1				
	Nguồn gốc: Gia đình ông Giàng A Hồ Khai hoang năm 1980 sử dụng đất ổn định đến nay, không tranh chấp				
c	Về cây cối hoa màu				30.000
1	Cây lấy gỗ D 5-10	Cây	1	30.000	30.000
d	Về chính sách hỗ trợ				16.785.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy)	m ²	186,5	90.000	16.785.000

